

TRENDS OF CULTURAL CHANGE OF KHMER THERAVADA BUDDHIST MONKS TODAY

(RESEARCH IN KIEN GIANG PROVINCE, TRA VINH PROVINCE
AND CAN THO CITY)

Danh Ut

PhD student, Tra Vinh University
Email: danhutchuathondon@gmail.com

Received: 14/10/2021
Reviewed: 06/11/2021
Revised: 18/11/2021
Accepted: 25/11/2021
Released: 30/11/2021

DOI: <https://doi.org/10.54163/0866-773X/616>

Cultural change is a process, thereby, changing the patterns, community activities to adapt to current life. When the material conditions are increasingly rich and diverse, as science and technology become more and more modern, cultural change in general is inevitable. The article focuses on the study of changes in material culture of Khmer Theravada Buddhist monks (referred to as monks) in the following aspects: Food, clothing, travel and residence.

Keywords: *Cultural change; Khmer Theravada Buddhist; Monks; Material culture; Southwest.*

1. Đặt vấn đề

Phật giáo Nam tông là một thực thể tôn giáo tồn tại và gắn liền với cộng đồng người Khmer từ rất lâu đời trên vùng đất Nam Bộ nên được gọi là Phật giáo Nam tông Khmer (PGNTK). Tu sĩ Phật giáo Nam tông Khmer (tu sĩ) và Phật tử Khmer có nhiều đóng góp trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ cũng như trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Với những đặc điểm tình hình vùng Tây Nam Bộ trong những năm qua, Đảng và Nhà nước đã có chủ trương, chính sách cụ thể đối với cộng đồng dân tộc thiểu số, trong đó có dân tộc Khmer. Theo đó, đời sống vật chất, tinh thần của đồng bào ngày càng được nâng cao và đã tác động đến điều kiện sống của tu sĩ.

Bài viết tập trung phân tích những biến đổi văn hóa vật chất, bao gồm: Ăn thực, trang phục, đi lại, cư trú trong đời sống của tu sĩ tại 03 tỉnh, thành phố (Tra Vinh, Kiên Giang và Cần Thơ). Tác giả chọn 03 địa phương này bởi các lý do: (1) Tỉnh Trà Vinh là địa phương còn bảo lưu những yếu tố truyền thống của PGNTK; (2) Thành phố Cần Thơ là địa phương chịu nhiều tác động biến đổi của quá trình đô thị hoá và hiện đại hóa; (3) Tỉnh Kiên Giang là địa phương có sự dung hòa giữa giá trị văn hoá truyền thống và hiện đại.

2. Tổng quan nghiên cứu

Trên cơ sở kế thừa các công trình có liên quan như: “Phật giáo Khmer Nam Bộ - Những vấn đề nhìn lại”, tác giả Nguyễn Mạnh Cường (2008) đã đánh giá vai trò quan trọng của PGNTK đối với đời sống của cộng đồng người Khmer, khai thác ở nhiều góc độ nhằm nhìn nhận đúng vai trò của tộc người Khmer trong lịch sử và đề cao vị thế của PGNTK trong Giáo hội Phật giáo Việt Nam trong quá trình đổi mới và hội nhập quốc tế. Cùng hướng phân tích đời sống của tu sĩ, trong công trình nghiên cứu “Phật giáo Nam tông với đời sống tinh thần của người Khmer Nam Bộ trong bối cảnh toàn cầu hoá hiện nay”, tác giả Nguyễn Tiến Dũng (2014) đánh giá khá toàn diện về đời sống của tu sĩ nhưng chủ yếu làm rõ các vấn đề tích cực. Song song đó, qua công trình nghiên cứu “Ngôi chùa trong đời sống văn hoá của người Khmer vùng Tây Nam Bộ”, tác giả Phùng Thị An Na (2015) có thực hiện cuộc khảo sát các hoạt động văn hóa tại một số chùa Khmer; trong đó, có một phần nói đến đời sống văn hoá của tu sĩ. Ngoài ra, công trình nghiên cứu “Đạo Phật trong cộng đồng người Việt ở Nam Bộ - Việt Nam (từ thế kỷ XVII đến 1975)”, tác giả Trần Hồng Liên (2000) làm rõ vai trò của đạo Phật trong đời sống văn hóa - xã hội của người Kinh; đồng thời, có so

sánh một số nét cơ bản của Phật giáo Nam tông của người Kinh và người Khmer nhằm làm nổi bật lên giá trị văn hoá trong đời sống của tu sĩ Khmer so với tu sĩ Phật giáo Nam tông của người Kinh... Đây là nguồn tài liệu quý giúp bài viết nắm cơ bản đời sống sinh hoạt của nhà tu hành trong quá trình lịch sử; đồng thời, làm cơ sở tiếp tục nghiên cứu vấn đề biến đổi đời sống văn hóa của tu sĩ hiện nay. Trong những khoảng trống mà các tác giả chưa đề cập, bài viết sẽ tập trung nghiên cứu về thực trạng văn hóa vật chất của tu sĩ trên các phương diện ẩm thực, trang phục, đi lại và cư trú.

3. Phương pháp nghiên cứu

Để đánh giá kết quả nghiên cứu, tác giả sử dụng phương pháp khảo sát bằng bảng hỏi và phương pháp phỏng vấn sâu. Nguồn dữ liệu chính được sử dụng từ kết quả khảo sát thực tế qua bảng hỏi gồm 15 câu, với số lượng 100 phiếu/100 vị tu sĩ tại 16 chùa Khmer thuộc 03 tỉnh, thành phố gồm Kiên Giang, Trà Vinh và Cần Thơ. Kết quả phiếu khảo sát được tổng hợp, thống kê; đồng thời, so sánh giữa các nội dung có liên quan với nhau; các câu hỏi mở trong bảng hỏi cũng được mã hóa và xử lý như thông tin định lượng để chứng minh cho các nhận định trong bài viết.

Song song đó, tác giả thực hiện 12 cuộc phỏng vấn sâu với thành phần gồm: Lãnh đạo Ban Trị sự Phật giáo, các vị trong Ban Chấp hành Hội Đoàn kết Sư sãi yêu nước cấp tỉnh; trụ trì, phó trụ trì và tu sĩ tại các chùa Khmer tại 03 tỉnh, thành phố được khảo sát. Khi tiến hành phỏng vấn sâu, bài viết liệt kê những nội dung chính và tập trung từng chi tiết mà phạm vi giới hạn của bài viết quan tâm. Trong quá trình phỏng vấn, người thực hiện phỏng vấn có thay đổi trật tự câu hỏi sao cho phù hợp với từng đối tượng phỏng vấn, cũng có khi người phỏng vấn mở rộng câu hỏi để khai thác thêm thông tin cần biết.

4. Kết quả nghiên cứu

4.1. Về ẩm thực

PGNTK thực hành theo giới luật Phật giáo nguyên thủy, tu sĩ sống bằng sự dâng cúng thức ăn từ Phật tử. Việc khát thực chỉ được thực hiện duy nhất 01 lần trong ngày; hầu hết các tu sĩ phải tự đi khát thực trong phum, sóc và phải trở về chùa trước giờ Ngọ để thọ thực. Tuy nhiên, trong thực tế các tu sĩ có thể ăn 02 bữa trong ngày (vào buổi sáng sớm và buổi trưa nhưng phải trước 12 giờ trưa). Sau 12 giờ trưa (giờ Ngọ) cho đến hết đêm ngày hôm đó, các tu sĩ chỉ có thể dùng vật lỏng để uống (Trà, sữa, cà phê, nước...). Theo đó, cách tri bình khát thực của tu sĩ đã có sự thay đổi lớn.

Qua kết quả khảo sát cho thấy số lần độ thực trong một ngày của tu sĩ đa số là 2 bữa. Hầu hết, các chùa thường nấu cháo trắng vào buổi sáng, có thể dùng với nước mắm hoặc tương, chao... Buổi

trưa, thì dùng thức ăn khi đi khát thực mang về; sau giờ Ngọ cho đến hết đêm, chỉ có thể dùng vật lỏng để uống.

Cũng qua kết quả khảo sát cho thấy: Đa số tu sĩ dùng nước lọc hoặc sữa sau giờ Ngọ cho đến hết đêm; có dùng những vật phẩm khác như sinh tố, bột ngũ cốc, kẹo, trà, trái cây, nhưng số lượng người dùng không nhiều. Qua đó, cho thấy việc giữ gìn giới luật của các tu sĩ vẫn rất chặt chẽ; các tu sĩ có ý thức rất cao trong việc giữ nghiêm giới luật. Mặc khác, trong quá trình khảo sát tại chùa Sóc Xoài (tỉnh Kiên Giang) có quy định khá chi tiết trong việc dùng vật lỏng: Nếu uống nước dừa, nước mía phải lọc kỹ, không còn xác và không được dùng kẹo, bánh, trái cây hoặc tại chùa Kompong (chùa Ông Mẹt, tỉnh Trà Vinh) và chùa Phnokombut (Chùa Ô, tỉnh Trà Vinh) thì tu sĩ có thể dùng kẹo nhưng lại không được nhai.

Riêng ở những vùng nông thôn, hình thức khát thực đã có nhiều thay đổi về mặt tổ chức. Một số gia đình Phật tử sống quanh chùa sẽ phân công luân phiên để nấu vật thực cúng dường cho các tu sĩ theo thời gian quy định; tổ hợp các hộ gia đình này được gọi là Wên; một chùa gồm nhiều Wên cứ thế thay phiên nhau xoay vòng thực hiện việc nấu vật thực cho các tu sĩ. Trong quá trình khảo sát tại tỉnh Kiên Giang, tác giả nhận thấy có những quy định khác hơn so với các tỉnh như Trà Vinh hoặc Cần Thơ. Tại tỉnh Kiên Giang, đã từ lâu Phật tử không để các tu sĩ đi khát thực, vì họ xét thấy địa bàn có địa hình sông nước, giao thông đường bộ đi lại khó khăn gây cản trở trong việc đi khát thực nên Phật tử đã quyết góp gạo mang đến chùa. Để giữ gìn giới luật theo luật tạng, trong một năm các tu sĩ ở Kiên Giang sẽ đi khát thực một lần khoảng nửa tháng vào đầu tháng 11 âm lịch, người dân gọi đó là “prossatva” (cứu độ chúng sinh) để hóa duyên cho những bá tánh có cơ hội gây dựng phước báu. Tuy nhiên, hiện nay, việc tổ chức đi khát thực trong chùa cũng có chiều hướng biến đổi. Theo kết quả khảo sát, chỉ có 49% số chùa còn tổ chức đi khát thực, 34% chùa thì không, còn lại 17% là sử dụng hình thức khác. Ngoài ra, việc khát thực hầu hết các tu sĩ trẻ tuổi sẽ được phân công đảm nhiệm, các tu sĩ lớn tuổi hoặc tu sĩ nhỏ tuổi lo những công việc khác trong chùa. Việc đề cử các tu sĩ đi nhận cơm từ các hộ gia đình thuộc các Wên trong phum, sóc ngày càng trở nên phổ biến.

Sự thay đổi phương cách khát thực này tùy thuộc từng tỉnh, từng vùng mà có sự khác biệt về thời gian và cách thực hiện. Đa số các chùa có phân công đi khát thực được phân bổ rất rõ ràng theo hình thức chia tổ.

4.2. Về trang phục

Sau ba tháng hạ (từ 15 tháng 6 đến 15 tháng 9 âm lịch), các chùa Khmer sẽ tổ chức lễ dâng y Kathina. Đây được xem là một trong những lễ lớn nhất và

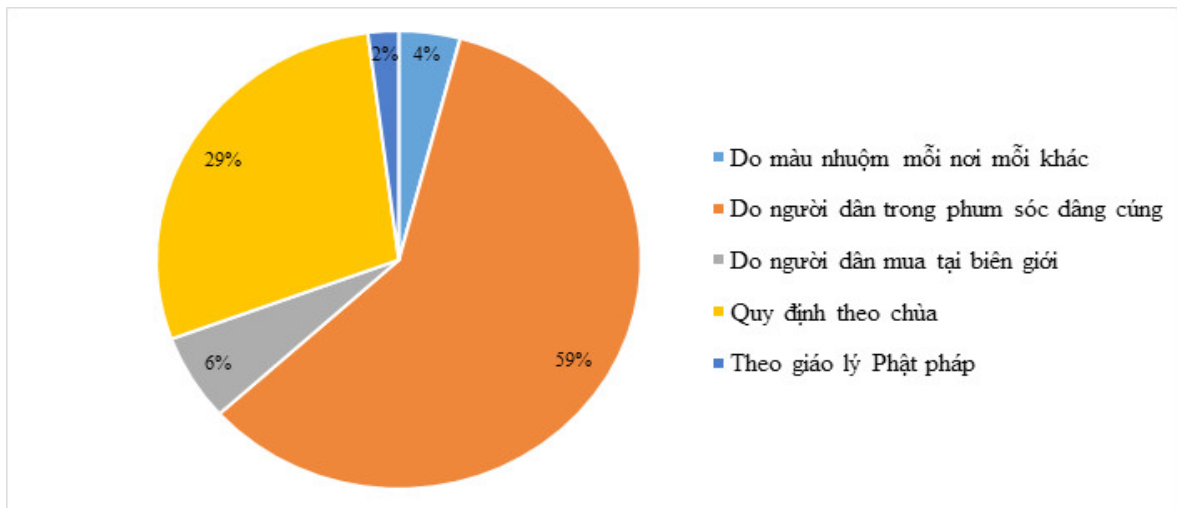
quan trọng nhất của PGNTK. Theo quy định, các tu sĩ không được giữ nhiều y nên những y được phật tử dâng lên sẽ được trụ trì chùa tổng kết và cất giữ trong kho; chỉ khi nào có y bị rách hư, cũ... thì lấy ra cho hoặc những người mới xuất gia, mới tu, chưa có y thì được phân phối kịp thời.

Mặt khác, trước đây, chỉ có phật tử trong phum, sóc mới dâng cúng y cho chùa nơi mình cư trú nhưng hiện nay phật tử từ các địa phương khác đến dâng y rất nhiều bộ; có chùa có đến hàng trăm bộ y.

Y phục được quy định trong Luật tạng Pāli dựa trên thiết kế như thừa ruộng; có sắc không phải là màu: xanh, đen, hoa sen. Y phục có định: y 05 điều, y 07 điều, y 09 điều, y 11 điều. Giáo hội Phật giáo Việt Nam có thống nhất hệ phái Nam tông vẫn y

màu cam nhưng Thượng tọa Danh B cho biết: “Sư cả có quy định cho các sư trong chùa chỉ mặc thống nhất một màu y. Ở chùa khác thì có sư mặc màu này, màu kia theo sở thích, nhưng ở chùa này thì chỉ quy định y màu cam”. Qua khảo sát tại chùa Kompong và chùa Kompong San (tỉnh Trà Vinh): Đa số tu sĩ vẫn y 05 điều nhưng màu sắc của y là màu vàng nghệ hoặc màu cam.

Theo phong tục tập quán truyền thống (đầu đội trời, chân đạp đất) nên khi ra ngoài các tu sĩ không được đội nón, không mang dù. Tuy nhiên, đa số tu sĩ hiện nay, trong luật Phật giáo đã cho tu sĩ sử dụng dù khi đi ra đường nhưng không được sử dụng những màu sắc quá rực rỡ mà giới luật cấm kỵ.



Hình. Nguyên nhân dẫn đến sự khác nhau về màu sắc trên vải quần
 Nguồn. Kết quả khảo sát năm 2020

4.3. Về đi lại

Hiện nay, việc đi lại của tu sĩ cũng có nhiều biến đổi so với trước đây. Nếu như giai đoạn đầu mới du nhập PGNTK vào Việt Nam, tu sĩ chỉ được phép đi bộ, nhất là khi đi khất thực phải “đầu đội trời, chân đạp đất”, thì ngày nay, tại một số chùa đã có sự chuyển biến trong việc tổ chức và cách thức khi đi khất thực và việc tu sĩ dùng phương tiện giao thông trong đi lại.

Đối với một số chùa nằm trong khu vực đô thị, có số lượng tu sĩ đông, hoặc chùa cách quá xa nhà phật tử, thì việc đi khất thực có thể đi bằng xe ôm hoặc taxi để mỗi ngày có thể lấy lượng thức ăn lớn về cho tu sĩ kịp thời gian dùng bữa trước giờ Ngọ. Những chùa trong khu vực thành thị, vì đa số tu sĩ ở các tỉnh xa về đây tu học, nên đa số phật tử thường cúng dường tu sĩ bằng tiền mặt để thuận tiện trong việc độ thực. Nếu không cúng dường tiền mặt thì

các phật tử trong khu vực tự phân công nhau mỗi ngày đều đến dâng vật thực cho tu sĩ.

Theo kết quả khảo sát, khi được hỏi tu sĩ đi khất thực có đi bằng phương tiện khác mà không đi bộ hay không? Kết quả có đến 75% ý kiến trả lời là có, 15% trả lời không và 10% cho ý kiến khác. Trong đó, ý kiến khác cho rằng vì nhiều lý do khách quan và chủ quan nên phật tử mang lương thực vào chùa nấu. Một số chùa nằm ở vùng ven ngoại thành, huyện, xã thì vẫn còn bảo lưu những yếu tố giới luật truyền thống là đi khất thực bằng chân đất. Riêng ở một số khu vực khá xa, nhà phật tử cách chùa từ 2km - 3km, đa số các phật tử cứ người mang xe đến chùa đón Tu sĩ đến nhà phật tử nhận thức ăn. Tuy nhiên, khi gần đến nhà phật tử, tu sĩ xuống đi bộ chân đất, tay ôm bình bát trang nghiêm đúng như giới luật quy định về khất thực, tiêu biểu như ở chùa Kompong (tỉnh Trà Vinh).

Bảng. Phương tiện di chuyển chủ yếu khi đi khất thực

Phương tiện	Số phiếu	Tỷ lệ %
Xe máy	75	75,0
Xe hơi	7	7,0
Xe đạp	1	1,0
Đi xuồng	6	6,0
Phật tử đến chùa chờ	11	11,0
Tổng	100	100,0

Nguồn. Kết quả khảo sát năm 2020

Ngày nay, vì nhiều lý do khác nhau, nên việc kết hợp các phương tiện đi lại với quy định đi khất thực truyền thống đã trở thành một biến đổi tất yếu trong quá trình đô thị hóa diễn ra ngày càng mạnh mẽ. Một điều đáng lưu ý là, dù dùng phương tiện nào thì quý sư đều không trực tiếp cầm lái mà luôn được Phật tử hoặc người khác chở đi.

Cũng có một số chùa tổ chức đi khất thực bằng đò, như trường hợp tại chùa Thôn Dôn (tỉnh Kiên Giang), các tu sĩ tự lái đò sang sông để đi khất thực, vì đò của nhà chùa vừa là phương tiện để di chuyển, giúp bà con trong vùng qua sông thuận lợi. Tuy nhiên, trường hợp các tu sĩ tự lái xe hoặc lái đò không được khuyến khích, hay tại một số nơi là điều cấm kỵ vì các tu sĩ cho rằng nếu tu sĩ trực tiếp cầm lái sẽ có thể gây ra nghiệp sát sinh, vì trên đường đi chuyên sẽ làm chết nhiều côn trùng hoặc nếu có gây ra tai nạn thì sẽ phát sinh nhiều việc phiền toái không hay xảy ra, nên tu sĩ vẫn không tự cầm lái xe hay lái đò là hay nhất. Đặc biệt, một sự chuyển đổi có chiều hướng gia tăng hiện nay là tại một số chùa trong quá trình khảo sát có xe hơi riêng.

Tuy nhiên, việc chùa có xe hơi riêng cũng gặp phải những ý kiến trái chiều vì theo truyền thống thì các tu sĩ tu khổ hạnh, sống bằng việc đi khất thực. Do vậy, tu sĩ cũng e dè trong việc sử dụng phương tiện hiện đại để đi chuyên.

4.4. Về cư trú

Nếu như trước đây, chùa được hình thành giữa phum sóc, các thanh thiếu niên Khmer đến tuổi đều xuất gia trong thời gian 03 năm để báo hiếu ân cha mẹ. Do đó, trong chùa ngoài sự trụ trì luôn có các tu sĩ tu học là người thuộc phum sóc đó. Mọi sinh hoạt đều diễn ra dưới mái chùa từ tu học, thực hành các nghi lễ, tổ chức các lễ hội,... Ngôi chùa thực sự là trung tâm văn hóa, nơi sinh hoạt và diễn ra mọi hoạt động của cộng đồng người Khmer. Thế nhưng hiện nay, một số chùa chỉ là nơi cư trú tạm thời, nơi lưu lại một thời gian ngắn trong thời gian tu học cho một số tu sĩ. Hiện nay, do nhu cầu học tập tập trung và để thuận tiện cho việc tu học, tu sĩ ở khắp các tỉnh miền Tây thường tập trung về các chùa ở

trung tâm thành phố, như thành phố Cần Thơ để tham gia các chương trình học ở Học viện PGNTK hoặc tham gia các chương trình học tại các trường đại học khác. Ngoài ra, tại Cần Thơ còn có Học viện Phật giáo và nhiều trường đại học khác nên một số tu sĩ chùa khác, tỉnh khác, đến lưu trú để học tập trong một thời gian nhất định như chùa Pitu Khôsa Răngsay (quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ). Lý giải cho hai hiện tượng trên phải xét đến nhu cầu thực tế và những thay đổi trong suy nghĩ của tu sĩ. Ngoài tu học giáo lý cơ bản tại chùa ở địa phương, nhu cầu học thêm Pāli, những kiến thức phổ thông, ngành nghề chuyên môn của tu sĩ ngày càng cao. Điều này không còn là nhu cầu mà trở thành yêu cầu chung của xã hội đối với tu sĩ.

Hiện nay, các thanh thiếu niên người Khmer khi xuất gia, ngoài tâm lý xuất gia để báo hiếu, còn luôn ý thức thời gian xuất gia là thời gian học tập, rèn luyện để có được ít nhất một nghề để tiếp tục cuộc sống, tự lo cho mình và gia đình sau khi hết thời hạn xuất gia. Còn vị nào muốn tiếp tục với lý tưởng tìm cầu chân lý thì lại càng phải tinh tấn nghiên cứu Phật học và cũng cố gắng học tập một bằng cấp ở ngành nghề khác, thường là luật, văn hóa,... Chính vì lý do này, mà đa số các tu sĩ bắt buộc phải đi chuyên đến các chùa khác, các chùa tại các trung tâm thành phố lớn để tu tập và nghiên cứu.

Một thay đổi nhỏ về cư trú của PGNTK ở Tây Nam Bộ hiện nay là bên cạnh các công trình như chính điện, sala (giảng đường, trai đường), công, ... nhiều chùa còn xây dựng thêm nhà bếp. Vốn trước đây chùa không có nhà bếp nhưng do việc khất thực và ăn uống thay đổi, nhà chùa có thể nấu cháo để dùng bữa sáng hay một số Phật tử đến chùa nấu ăn để tiện dâng vật thực nên chùa phải xây dựng thêm nhà bếp. Việc thay đổi này không ảnh hưởng nhiều đến đời sống tu tập của tu sĩ mà chỉ là biểu hiện của sự thích nghi, thay đổi phù hợp với điều kiện thực tế.

5. Thảo luận

Có thể nói, sự biến đổi văn hóa trong đời sống của tu sĩ phần nào phản ánh tình trạng biến đổi chung của những giá trị văn hóa PGNTK nói chung khi bị tác động bởi các yếu tố.

Một là, yếu tố xã hội, hoàn cảnh sống mới, quá trình đô thị hóa ngày càng mạnh mẽ.

Nếu như giai đoạn đầu khi Phật giáo Nam tông du nhập vào Nam Bộ thì hầu hết tu sĩ đều tự đi khất thực mỗi ngày vào buổi sáng quanh phum sóc; sau đó, trở về chùa trước giờ Ngọ để thọ thực thì chỉ ăn một lần vào buổi trưa trong ngày. Thời kỳ đổi mới, do nhu cầu phát triển của nguồn nhân lực, do nhu cầu tu học của tu sĩ nên các trường đào tạo được mở ra ngày càng nhiều đã thu hút một số lượng lớn tu sĩ đến học tập; các cơ sở giáo dục thường tập trung ở khu đô thị hóa, các tu sĩ phải học tập trung không có thời gian đi khất thực nên

việc khát thực theo luật định xưa kia quanh phum sóc không thực hiện được.

Bên cạnh đó, Đại đức Kiên P.L cho biết: “Một số nguyên nhân dẫn đến những biến đổi trên là do cơ sở hạ tầng phát triển, hàng hóa tiêu dùng đa dạng nên việc không mang dép ra ngoài đi không thể thực hiện được vì đường nhựa rất nóng. Tuy nhiên, sự thay đổi này chỉ về mặt hình thức, về phương tiện di chuyển để tiếp nhận vật thực, còn về nội dung ý nghĩa thì không thay đổi”.

Ngoài ra, theo kết quả khảo sát cho thấy: Nguyên nhân chủ yếu hiện nay là do các tu sĩ cần nhiều thời gian để đi học nên việc kết hợp phương tiện giao thông vào trong việc khát thực sẽ giúp rút ngắn thời gian hơn. Hay trong vấn đề trang phục, do xã hội đang ngày càng phát triển, ngành dệt may đã đạt đến trình độ tinh xảo, sản xuất ra nhiều loại vải khác nhau, đã đẩy mạnh việc không đồng bộ về màu sắc trong lễ phục Phật giáo, làm cho lễ phục không còn một màu chính thống, chất liệu vải cũng khác nhau. Chính đốn và thống nhất về màu sắc trong lễ phục trong PGNTK là điều hết sức khó khăn đối với các bạn ngành chức năng của Giáo hội. Những năm gần đây, Giáo hội Phật giáo Việt Nam đã có lời kêu gọi các tu sĩ nên mặc pháp phục cùng một màu sắc (màu cam); xét thấy, đây là việc làm rất có ý nghĩa.

Có thể nói rằng, thời đại thay đổi là một trong những nhân tố cho sự thay đổi của văn hóa vật chất; đồng thời, kéo theo nhận thức con người cũng thay đổi dưới sức ảnh hưởng mạnh mẽ của tiến bộ khoa học.

Hai là, yếu tố ý thức và sự lựa chọn của con người
Con người làm chủ cuộc sống của mình thông

qua sự chọn lựa những điều có lợi cho bản thân và tránh những thứ gây hại để cuộc sống được tốt đẹp hơn. Khi sự chọn lựa đó được cả cộng đồng chấp thuận và duy trì lâu dài đến một mức độ nhất định thì sẽ trở thành một yếu tố văn hóa của dân tộc. Bên cạnh đó rất khó có thể giữ gìn một truyền thống nguyên bản của một tổ chức tôn giáo trong bối cảnh xã hội không ngừng phát triển như ở nước ta. Tôn giáo phải chuyển mình để thích nghi với môi trường xã hội nhằm tồn tại phù hợp với quy luật chung, PGNTK không nằm ngoài quy luật đó.

6. Kết luận

Tình hình thế giới có nhiều diễn biến phức tạp, quá trình toàn cầu hóa, công nghiệp hóa và sự phát triển như vũ bão của khoa học kỹ thuật, khoa học công nghệ, nhất là công nghệ thông tin đem lại nhiều sự thay đổi trong quá trình hội nhập và quan hệ quốc tế. Tuy nhiên, bên cạnh cơ hội cho mỗi quốc gia trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội, thì sự xâm nhập và ảnh hưởng tiêu cực của rất nhiều luồng tư tưởng, văn hóa, tín ngưỡng, tôn giáo khác nhau tới đồng bào dân tộc và tôn giáo trong nước cũng không nhỏ. Việc giữ nguyên bản của một tổ chức tôn giáo là vấn đề trở ngại cho các nhà hoạt động tôn giáo. Do vậy, biến đổi trong đời sống văn hóa của tu sĩ để thích ứng với môi trường sống là điều tất yếu, là sự lựa chọn duy lý. Biến đổi văn hóa nói chung sẽ giúp tu sĩ có cơ hội hòa nhập với đời sống tu hành của tu sĩ cùng hệ phái tại một số quốc gia trên thế giới. Tuy nhiên, môi trường luôn biến đổi, các tu sĩ cũng cần chú ý đến những mặt hạn chế trong môi trường hòa nhập vì dễ dẫn đến mất phương hướng, hòa tan; có thể dễ đánh mất giới luật của Phật giáo Nam tông.

Tài liệu tham khảo

- Cuong, N. M. (2008). *Phật giáo Khmer Nam Bộ - Nhung van de nhìn lai*. Hà Nội: Nxb. Tôn giáo.
- Dung, N. T. (2014). Phật giáo Nam tông với đời sống tinh thần của người Khmer Nam Bộ trong bối cảnh toàn cầu hóa hiện nay. Trong *Hoa thượng Danh Lung và công sư, Phật giáo Nam tông Khmer đồng hành cùng dân tộc* (chủ biên, tr.293-305). Thành phố Hồ Chí Minh: Nxb. Văn hóa Văn nghe.
- Hanh, P. T. P. (2012). *Văn hóa Khmer Nam Bộ - Net đẹp trong ban sắc văn hóa Việt Nam*. Hà Nội: Nxb. Chính trị quốc gia.
- Lien, T. H. (2000). *Đạo Phật trong cộng đồng người Việt ở Nam Bộ, Việt Nam (từ thế kỷ XVII đến 1975)*. Hà Nội: Nxb. Khoa học Xã hội.
- Na, P. T. A. (2015). Ngôi chùa trong đời sống văn hóa của người Khmer vùng Tây Nam Bộ. *Tap chi Khoa hoc Xa hoi Viet Nam*, 11(96), tr.102-107.
- Sang, B. T. (2017). Giáo dục Phật giáo Nam tông Khmer trên bước đường hội nhập và phát triển. Trong D. Lung & C. H. Thai, *Phật giáo Nam tông Khmer đồng hành cùng dân tộc* (chủ biên, tr.500-515). Thành phố Hồ Chí Minh: Nxb. Văn hóa Văn nghe.
- Tuyet, P. T. Y. (1992). *Văn hóa vật chất của các dân tộc ở đồng bằng sông Cửu Long*. Luan van Pho Tien si, Vien Khoa hoc Xa hoi tai Thanh pho Ho Chi Minh.
- Tuyet, P. T. Y., & công sư. (2016). Văn hóa. Trong Khoa Nhân học trường Đại học Khoa học Xã hội Nhân văn, *Nhân học đại cương* (tr.199). Thành phố Hồ Chí Minh: Nxb. Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh.
- Ut, D. (2020). *Các bài phỏng vấn của Danh Ut tại tỉnh Kiên Giang, Trà Vinh, thành phố Cần Thơ [Bang ghi am]*.

XU HƯỚNG BIẾN ĐỔI VĂN HÓA CỦA TU SĨ PHẬT GIÁO NAM TÔNG KHMER HIỆN NAY

(NGHIÊN CỨU TẠI TỈNH KIÊN GIANG, TỈNH TRÀ VINH
VÀ THÀNH PHỐ CẦN THƠ)

Danh Út

Nghiên cứu sinh, Đại học Trà Vinh
Email: danhutchuathondon@gmail.com

Ngày nhận bài: 14/10/2021
Ngày phản biện: 06/11/2021
Ngày tác giả sửa: 18/11/2021
Ngày duyệt đăng: 25/11/2021
Ngày phát hành: 30/11/2021

DOI: <https://doi.org/10.54163/0866-773X/616>

Biến đổi văn hóa là một quá trình, qua đó, làm thay đổi những khuôn mẫu, những hoạt động của cộng đồng nhằm thích ứng với đời sống hiện tại. Khi các điều kiện về vật chất ngày càng phong phú và đa dạng, khoa học - kỹ thuật ngày càng hiện đại thì sự biến đổi văn hóa nói chung là tất yếu. Bài viết tập trung nghiên cứu về biến đổi văn hóa vật chất của tu sĩ Phật giáo Nam tông Khmer trên một số phương diện như ẩm thực, trang phục, đi lại và cư trú.

Từ khóa: *Biến đổi văn hóa; Phật giáo Nam tông Khmer; Tu sĩ; Văn hóa vật chất; Tây Nam Bộ.*